

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2019/HS-ST

Ngày: 17/10/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ D

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn A – Bí thư đoàn phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Và ông Nguyễn Văn Đ – Cán bộ hưu trí

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai H - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tham gia phiên tòa:* Ông Nông Quang C - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự đã thụ lý số 125/2019/TLST- HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2019/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn N; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1998; tại Bình Định; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: đội 2, ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn P, sinh năm 1974 và bà Mai Thị H, sinh năm 1969; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam từ ngày 11/1/2019 đến 26/4/2019 được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Tăng Văn K, Tên gọi khác: không; Sinh ngày 09/9/2001; tại Sóc Trăng; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: ấp V, xã A, huyện C, tỉnh S; Chỗ ở hiện nay: ấp 6, xã T, thành phố Đ, Bình Phước; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa 08/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Tăng Văn Út L, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1984; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Tăng Văn K: bà Hoàng Thị H, sinh năm 1975 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bình Phước (có)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo K: ông Tăng Văn Út L, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; Cùng trú tại: ấp V, xã A, huyện C, tỉnh S (có)

Người bị hại: bà Hoàng Thị B, sinh năm 1991; Nơi cư trú: thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước (có đơn xin vắng)

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Bùi Thị Tô A, sinh năm 2000; Nơi cư trú: xã Quảng Tín, huyện Đrăk Rláp, tỉnh Đắk Nông.

2/Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1999; Nơi cư trú: ấp 6, xã Tân Thành, Đồng Xoài, Bình Phước.

3/Ông Trần Thế A, sinh năm 1989; Nơi cư trú: tổ 4, khu phố 4, phường Tân Đồng, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước.

4/Ông Mai Đăng Q, sinh năm 2003; Nơi cư trú: khu phố 2, phường Tiến Thành, Đồng Xoài, Bình Phước.

5/Bà Lê Thị N, sinh năm 1994; Nơi cư trú: thôn 2, xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

6/Ông Lê Đức V, sinh năm 1996; Nơi cư trú: tổ 4, khu phố 1, phường Tân Đồng, Đồng Xoài, Bình Phước.

Người làm chứng: ông Nguyễn Công T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: thôn Phú Tâm, xã Phú Trung, huyện Phú Riềng, Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 31/12/2018, Lê Thị N mượn xe mô tô biển số 93P1 – 958.21 của N chở Bùi Thị Tô A đến xã T, huyện Đ để gặp Hoàng Thị B. Tại đây, nhóm của N, Tô A và B nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau với một nhóm người khác nên bị Công an xã T tạm giữ xe mô tô 93P1 – 958.21. N nhiều lần gọi B lên Công an xã T làm việc, viết đơn bãi nại để được Công an xã giải quyết trả lại xe mô tô nhưng do B đang nằm bệnh viện điều trị thương tích nên chưa đến Công an xã T làm việc được. Đến ngày 09/01/2019, chị B xuất viện và lên Công an xã T làm việc nhưng cũng chưa giải quyết xong. Khoảng 19 giờ 00 ngày 10/01/2019, chị B rủ và nhờ Trần Thế A chở B từ xã Phú Riềng đến thành phố Đồng Xoài chơi để đến ngày 11/01/2019, đi khám tại Bệnh viện trung tâm chấn thương chỉnh hình thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến Đồng Xoài, chị B và A ăn ở quán “Dê mẹt” trên đường vành đai Suối Cam thuộc khu phố Phú Lộc, phường Tân Phú. Đến khoảng 23 giờ, B điện thoại xin nghỉ nhờ tại phòng Tô A. Khoảng 10 phút sau Tô A cùng Nguyễn Ngọc L đến gặp B tại quán Dê Mẹt. Khi gặp chị B, L điện thoại cho Vũ Văn N đến để nói chuyện với B về việc giải

quyết xe cho N. Sau khi nhận được điện thoại của L, N nhờ Mai Đăng Q chở N đến quán “Dê mẹ” để gặp B. Tại đây, N và L có to tiếng nói chuyện với B về việc chị B không chịu lên công an xã T giải quyết xe cho N. N nói chị B phải ở với N đến sáng rồi cùng đi lên Công an xã T để giải quyết xe mô tô. Lúc này chị B thấy nhóm của N đông người đồng thời và N và L có to tiếng nên chị B sợ không dám kháng cự và phải đồng ý. Sau đó, N nói B đi ra tượng đài thức đến sáng hoặc thuê phòng ngủ thì chị B đồng ý đi thuê phòng nghỉ. Lúc này Tổ A điều khiển xe Dream (không rõ biển số) chở B, Q chở N và V (chưa rõ họ tên) chở Nguyễn Ngọc L cùng đi thuê nhà nghỉ nhưng không được nên L và Tổ A đi về trước. N nói với chị B giờ về phòng trọ của N ngủ đến sáng rồi đi lên Công an xã T làm việc thì chị B đi theo N. Lúc này N gọi điện thoại cho Tăng Thanh K (K đang ở phòng số 13 tại nhà trọ “Thanh H” thuộc khu phố Xuân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài) nói cho N mượn phòng cho B ngủ thì K đồng ý, rồi N nhờ V chở B, N về phòng trọ của N, khi đi ngang ngã tư Đồng Xoài thì N và Q dừng lại mua 05 chai nước suối. Sau khi chở N, B đến trước cổng nhà trọ “Thanh H” thì Q và V điều khiển xe đi về, N dẫn B đi đến phòng số 13, N gọi K dậy đi qua phòng của N ngủ (phòng 16), để B đi vào phòng của K, N khép cửa lại đi về phòng của mình và cầm theo 05 chai nước. Lúc này K nói với N “phòng em chưa có nước” nên N nói với K “cầm chai nước qua cho B rồi khóa cửa lại luôn” thì K hỏi “khóa cửa ngoài luôn hả” N trả lời “ừ, không khóa khuya nó bỏ đi mai lấy ai lên xã lấy xe” sau khi nghe N nói vậy thì K đem chai nước suối qua cho B và dùng 01 ổ khóa màu trắng có chữ Astro khóa bên ngoài cửa phòng số 13. Đến khoảng 09 giờ sáng ngày 11/01/2019, N và K đi qua phòng 13, nơi đang giữ B, để mở cửa gọi B dậy thì bị lực lượng Công an thành phố Đồng Xoài vào kiểm tra phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục 38-40, 67-91, 93-94, 96-110, 127-136, 152-161).

Tại kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 1504/C09B ngày 08/3/2019 của Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tại thời điểm giám định (tháng 3 năm 2019) Tăng Văn K có độ tuổi từ 17 năm đến 17 năm 6 tháng (bút lục 141).

Quá trình điều tra, các bị can Vũ Văn N và Tăng Văn Kh có thái độ thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can N. Bị can K phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật:

- Thu giữ của Vũ Văn N: 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại 1280 màu đen có sim số 0868.464464; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A5 bị vỡ kính mặt trước và mặt sau có sim số 0587.153159; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Văn .

- Thu giữ của Tăng Văn K: 01 điện thoại di động hiệu Iphone có sim số 0528.368353.

- 01 bộ khóa màu trắng có chữ ASTRO (bút lục 38-40).

Quá trình khám xét nơi ở của Vũ Văn N, thu giữ: 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 22,5cm; 01 cái búa chiều dài 39cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt dài 12,5cm; 01 cây viết hiệu “TL 027” màu xanh; 01 cuốn vở học sinh “Tân Thuận Tiến” được đánh số trang từ 01 – 60; 01 cuốn vở học sinh “Quan Tâm” được đánh số trang từ 01 – 44 có chữ ký của Vũ Văn N; 90 tờ giấy có kích thước (10,5x14,5)cm có chữ cho vay tiền mặt, Meredit; 01 tờ giấy vay tiền ghi tên Võ Văn K; 03 mẫu giấy cho vay tiền; 01 hộp mực hiệu “Horse” (bút lục 59-61).

Tại Bản cáo trạng số 125/CT-VKS ngày 30/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài đã truy tố bị cáo Vũ Văn N và Tăng Văn K về tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn N mức án từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 36; Điều 90, 91, 100 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tăng Văn K mức án từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo K: Thống nhất với tội danh mà bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt như bị cáo K là người chưa thành niên, nhất thời phạm tội; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để xem xét xho bị cáo được hưởng mức án 06 tháng cải tạo không giam giữ như VKS nhân dân thành phố đã đề nghị.

Bị cáo N và K tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 125/CT-VKS ngày

30/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau; Phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; Phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang; Vật chứng của vụ án đã thu giữ được; Biên bản khám nghiệm – bản ảnh hiện trường; Bản kết luận điều tra vụ án và đã được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn chị Hoàng Thị B phải đi đến công an xã T để giải quyết về chiếc xe mô tô biển số 93P1-958.21 của bị cáo Vũ Văn N đang bị Công an xã T giữ nên bị cáo N đã yêu cầu chị B đi theo nhóm của mình và sau đó cùng bị cáo K đã giữ chị B bằng cách để chị B ở trong phòng trọ của bị cáo K và khóa trái cửa lại từ 23giờ ngày 10/01/2019 đến 09 giờ ngày 11/01/2019.

[2.1] Hành vi đó của bị cáo N và bị cáo K là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do của chị B một cách trái pháp luật. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo biết được việc giữ chị B là trái pháp luật, song, chỉ vì nóng lòng để được nhận lại xe mô tô của mình, bị cáo Na đã lợi dụng lúc nhóm của mình đông người, lớn tiếng yêu cầu chị B phải đi theo mình đến phòng trọ của K, sau đó để chị B vào phòng và khóa trái cửa lại rồi cùng với K ngủ phòng bên cạnh (là phòng trọ bị cáo thuê) từ 23giờ ngày 10/01/2019 đến 09giờ ngày 11/01/2019 thì bị phát hiện và bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang.

[2.2] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn vì giữa hai bị cáo không có sự rủ rờ, bàn bạc, thỏa thuận gì với nhau trong việc thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể: bị cáo N là người trực tiếp lớn tiếng với chị B rồi đưa chị B về phòng trọ của K. Bị cáo K mặc dù không có sự bàn bạc gì với bị cáo N nhưng bị cáo biết rõ việc giữ chị B trong phòng trọ của mình và khóa trái cửa lại là trái ý muốn của chị B và vi phạm pháp luật song bị cáo vẫn làm, do vậy, bị cáo đã đồng phạm với bị cáo N về tội: “Giữ người trái pháp luật”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài truy tố và đề nghị xét xử các bị cáo về tội “Giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.3] Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường và xin lỗi nên người bị hại có đơn bãi nại cho các bị cáo. Đối với bị cáo K khi phạm tội còn là người chưa thành niên và chỉ nhất thời phạm tội nên cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[2.4] Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn N mức án từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng và áp dụng thêm các Điều 36; Điều 90, 91 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Tăng Văn K

mức án từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo K đồng quan điểm với Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Đối với Bùi Thị Tố A, Mai Đăng Q, Nguyễn Ngọc L, Lê Đức V và chị Lê Thị N không biết và không tham gia với bị cáo N và bị cáo K giữ chị Hoàng Thị B nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại 1280 màu đen có sim số 0868.464464; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A5 bị vỡ kính mặt trước và mặt sau có sim số 0587.153159; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Văn N thu giữ của bị cáo N không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone có sim số 0528.368353 thu giữ của bị cáo Tăng Văn K không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

- 01 bộ khóa màu trắng có chữ ASTRO là công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 22,5cm; 01 cái búa chiều dài 39cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt dài 12,5cm; 01 cây viết hiệu “TL 027” màu xanh; 01 cuốn vở học sinh “Tân Thuận Tiến” được đánh số trang từ 01 – 60; 01 cuốn vở học sinh “Quan Tâm” được đánh số trang từ 01 – 44 có chữ ký của Vũ Văn N; 90 tờ giấy có kích thước (10,5x14,5)cm có chữ cho vay tiền mặt, Meredit; 01 tờ giấy vay tiền ghi tên Võ Văn K; 03 mẫu giấy cho vay tiền; 01 hộp mực hiệu “Horse” những đồ vật tài liệu này không liên quan đến vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra đang tiếp tục xác minh, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xử lý trong vụ án này.

[5] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn N, Tăng Văn K phạm tội “*Giữ người trái pháp luật*”

2. Về hình phạt:

* Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Tuyên giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự

* Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 90; Điều 91 và Điều 100 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Tăng Văn K 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Tuyên giao các bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục, bị cáo nhận được bản án và quyết định thi hành án.

3. Về vật chứng vụ án:

- Tuyên trả lại cho bị cáo Vũ Văn N 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại 1280 màu đen có sim số 0868.464464; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A5 bị vỡ kính mặt trước và mặt sau có sim số 0587.153159; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Văn N.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Tăng Văn K 01 điện thoại di động hiệu Iphone có sim số 0528.368353.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 bộ khóa màu trắng có chữ ASTRO.

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo N và bị cáo K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND Thành phố Đồng Xoài;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đồng Xoài;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đồng Xoài;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

Phan Thị Mỹ Dung